TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2023/HNGĐ - ST. Ngày: 19/5/2023. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Trung Kiên;
2. Ông Lê Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 19/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST – HNGĐ ngày 28/11/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXX - ST ngày 08/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST - HPT ngày 24/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30A/2023/QĐST - HPT ngày 21/4/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị E, sinh năm 1989 "có mặt".

Trú tại: Bản P B, xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Nạ Văn T, sinh năm 1984 "vắng mặt".

Trú tại: Bản P B, xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/11/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Quàng Thị E (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Thương chung sống như vợ chồng từ năm 2006, nhưng đến ngày 13/12/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Thương nghiện ma túy. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên anh Thương cai nghiện ma túy nhưng anh Thương không cai được. Tôi và anh Thương đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không đi lại và quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn này xin được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Thương.

2. Về con chung: Chị Én khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Quàng Văn Hơn, sinh ngày 02/10/2007 và cháu Nạ Thị Ngọc Anh, sinh ngày 17/11/2010.

Các cháu đang là học sinh và sống chung với tôi, tôi có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi hai con, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai của hai cháu Quàng Văn Hơn và Nạ Thị Ngọc Anh đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Nạ Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của UBND xã P T đã xác định hai vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2010, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau từ ngày 30/7/2018 cho đến nay. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Quàng Thị E, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Én xin ly hôn với anh Thương, anh Thương có hộ khẩu thường trú tại xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Én và anh Thương kết hôn năm 2010, đến năm 2022 thì chị Én khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị E và anh Nạ Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Thương nghiện ma túy, sau đó hai người đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay chị Én thấy không còn tình với anh Thương. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Én và anh Thương đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Én xác định tình cảm của mình đối với anh Thương không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Én vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thương. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Én

và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Quàng Thị E và anh Nạ Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Quàng Văn Hơn, sinh ngày 02/10/2007 và cháu Nạ Thị Ngọc Anh, sinh ngày 17/11/2010.

Các cháu đang đi học, chị Én có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con và cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Én và giao hai con chung cho chị Én trực tiếp chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Én là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

[8]. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nạ Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;
- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho chị Quàng Thị E được ly hôn với anh Nạ Văn T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Én, giao con chung là cháu cháu Quàng Văn Hơn, sinh ngày 02/10/2007 và cháu Nạ Thị Ngọc Anh, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Én trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Én không yêu cầu anh Thương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Én được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P T, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nông Trung Kiên	Lường Văn Lương	Lê Anh Tuấn